

Bản án số: 08/2019/DS-PT

Ngày: 10 - 01 - 2020

V/v Tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1394/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngô Trung N** (Mike Nghia Ngo); cư trú tại ấp V, xã N, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đặng Trọng T**, sinh năm 1971; cư trú tại số A, đường T, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2012), Ông T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Dương Thanh Minh** - Luật sư công ty Luật TNHH DT Law, chi nhánh Sài Gòn-Đoàn Luật sư TP.HCM (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông **Ngô Tấn T**, sinh năm 1956; cư trú tại số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bà **Kỳ Kim A**, sinh năm 1957; cư trú tại số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Ánh D**; cư trú tại số A đường T, phường N, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2014), bà D có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà **Nguyễn Thị T** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Ngô Văn H**; cư trú tại 15200 Magrolra ST Wesminster CA. 92683 USA (vắng mặt).

2. Bà **Ngô Thị Kim O**; cư trú tại P,O, Anaheim CA 92802, Hoa Kỳ (vắng mặt).

3. Ông **Ngô Thiện T**; cư trú tại Bruegg str 35 2503 Biel Sulsse, Thụy Sĩ, (vắng mặt).

4. Ông **Ngô Thiện Tr**; cư trú tại số A, khu vực C, phường B, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, (vắng mặt).

5. Bà **Ngô Thị Ngọc L**; cư trú tại Kutter Weg 46 2503 Bllel Sulsse, Thụy Sĩ (vắng mặt).

6. Ông **Ngô Thiện T**; cư trú tại 16172 Nor Crove Circle Hungtington, Beach CA 92647, Hoa Kỳ (vắng mặt).

7. Ông **Ngô Văn T**; cư trú tại 1105 Camintuar Cada Dandiego CA 92131, Hoa Kỳ, (vắng mặt).

8. **Văn phòng công chứng 24h, thành phố Cần Thơ**. Địa chỉ: Số 383B Nguyễn Văn Cừ phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông **Trần Mạnh G**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 383B Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/01/2020)

-Người kháng cáo: Ông **Ngô Tấn T**, bà **Kỳ Kim A**; **Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh** kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Trung N trình bày: Cha là Ngô Văn S, sinh năm 1920, chết năm 2010 và mẹ là Trần Thị M, sinh năm 1922, chết năm 2012. Cha mẹ ông có 09 người con gồm: Ngô Văn H, Ngô Thiện Tr, Ngô Thị Kim O, Ngô Thiên T, Ngô Thiện T, Ngô Văn T, Ngô Thị Ngọc L, Ngô Trung N và Ngô Tấn T. Lúc sinh thời, cha mẹ có tạo lập tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gồm phần đất thổ cư với diện tích 877 m² thửa số 90 và 91, tờ bản đồ số 01 và quyền sở hữu hai căn nhà trên đất (trong đó, một căn nhà có cấu trúc kiên cố có diện tích xây dựng 184,8 m² diện tích sử dụng 240,8 m² và một căn nhà có cấu trúc bán kiên

cổ có diện tích xây dựng 69,75 m², diện tích sử dụng là 146,475 m²) tại địa chỉ số 108/95/118 và A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Khi cha mẹ còn sống thì vợ chồng em ruột của nguyên đơn là Ngô Tấn T và vợ là Kỳ Kim A được cha mẹ cho ở chung tại địa chỉ nhà và đất số 108/95/118 và A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Năm 2004 cha mẹ ông N về ở hẳn với ông Tr tại nhà ông Tr cho đến khi chết. Đồng thời, cha mẹ của nguyên đơn có lập di chúc tại Văn phòng công chứng 24h giao cho một mình nguyên đơn thừa hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất thổ cư với diện tích 877m², thửa số 90 và 91 tờ bản đồ số 01 và quyền sở hữu hai căn nhà nói trên.

Nay, cha mẹ đã chết nhưng vợ chồng ông Ngô Tấn T và Kỳ Kim A là người đang quản lý sử dụng cho rằng nguyên đơn không được hưởng di sản do cha mẹ để lại dẫn đến phát sinh tranh chấp. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất thổ cư với diện tích 877m² và quyền sở hữu hai căn nhà nói trên cho nguyên đơn là người thừa hưởng theo di chúc và buộc vợ chồng ông Ngô Tấn T và Kỳ Kim A có trách nhiệm giao trả lại di sản, di dời nơi khác để ở.

Theo đơn phản tố và trong quá trình tố tụng, bị đơn trình bày:

Ông Ngô Tấn T là con của ông Ngô Văn S sinh năm 1920, chết năm 2010 và bà Trần Thị M sinh năm 1922, chết năm 2012. Cha mẹ ông chỉ có 09 người con như nguyên đơn trình bày.

Các A chị em của bị đơn đã có gia đình và ở riêng. Cha mẹ sống với vợ chồng bị đơn. Năm 2009 thì cha mẹ ông T mới chuyển sang ở với ông Tr cho đến khi chết. Khi còn sống, cha mẹ đã nói với mọi người là để lại nhà và đất cho bị đơn Ngô Tấn T, có sự chứng kiến của ông N là nguyên đơn. Nay, ông N đưa ra tờ di chúc lập tại Văn phòng công chứng 24h ngày 29/4/2009 thì ông T cho là di chúc giả, không hợp lệ.

Cha mẹ ông là những người trí thức. Mẹ ông rất giỏi tiếng Pháp, làm việc tại Bệnh viện Thủ Khoa N (chế độ cũ). Sau khi giải phóng, mẹ làm việc tại Bệnh viện đa khoa Hậu Giang cho đến lúc nghỉ. Thế nhưng, tại sao cha mẹ của ông không ký tên vào di chúc mà điểm chỉ. Mặt khác, trong nội dung di chúc không ghi rõ họ tên người làm chứng là vi phạm khoản 2 và khoản 3 Điều 41 Luật công chứng năm 2006.

Về tài sản trong di chúc:

Phần diện tích 877 m² đất là trên giấy tờ nhưng trên thực tế đất của cha mẹ ông đã bị chiếm dụng và hiến cho phường, chỉ còn 550 m² (đo thực tế là 638,9m²), đất này thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ông T. Diện tích đất theo di chúc ông T, bà A không tranh chấp QSD đất. Đất ở vị trí 4 của đường Nguyễn Việt Hồng có giá khoảng 10 triệu đồng/m². Do đó, tổng giá trị đất khoảng 1,1 tỷ đồng. Trên đất có 02 căn nhà và 10 phòng trọ, cụ thể:

+ 01 căn nhà số 108/95/118 đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú là

nhà của cha mẹ, do mẹ (bà Trần Thị M) đứng tên xin phép xây dựng năm 1998, giá trị khoảng 300.000.000 đồng.

+ 01 căn nhà số 108/95/118A do ông Ngô Tấn T xây dựng năm 1982 không phép, được cha mẹ cho đất và tách hộ khẩu từ năm 1997 cho tới nay. Vào năm 2011, vợ chồng ông sửa chữa căn nhà này khoảng 350.000.000 đồng, việc cho đất không làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng, không có người làm chứng.

+ Tiếp đến đây nhà 10 phòng trọ cạnh nhà số 108/95/118A do mẹ ông đứng tên vào năm 2004 trong giấy phép xây dựng giùm vợ chồng ông Ngô Tấn T (do vợ chồng ông Ngô Tấn T không có chủ quyền về đất). Tiền xây dựng do chị Ngô Thị Ngọc L cho vợ chồng ông T tổng cộng là 9.994,50 CHF (Chín ngàn chín trăm chín mươi bốn, năm mươi đồng tiền Thụy Sĩ) và tiền do vợ chồng ông T dành dụm. Hóa đơn mua vật tư, công thợ do vợ chồng ông T trả tổng cộng 220.000.000 đồng. Giá trị T sản này hiện khoảng 70%. Văn phòng công chứng 24h công chứng tài sản của cha mẹ, trong đó chưa có ý kiến của vợ chồng ông T là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vợ chồng ông T đã tu bổ, mua xà bần để san lấp 03 hố bom và nâng nền đất cao lên trên 1 mét mới có mặt bằng như hôm nay. Hàng năm, vợ chồng ông T đều đóng thuế đầy đủ cho nhà nước.

Từ những lý do trên, phía bị đơn yêu cầu:

- Hủy văn bản công chứng lập di chúc ngày 29/4/2009 của Văn phòng công chứng 24h là vô hiệu.

- Công nhận căn nhà số 108/95/118A và căn nhà có 10 căn phòng trọ cạnh nhà số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều thành phố cần Thơ là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn.

- T sản của cha mẹ để lại gồm 01 căn nhà số 108/95/118 và 550 m² đất thuộc thửa số 90-91 đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều thành phố cần Thơ là của cha mẹ, chia thừa kế theo pháp luật cho 09 người con, ông T được hưởng 1/9 tổng giá trị tài sản cha mẹ chết để lại.

Tại phiên tòa ngày 19/12/2019 và tại phiên tòa hôm nay, ông T, bà A trình bày: Diện tích đất 638, 9m² thuộc thửa 90-91 nêu trên là thuộc quyền sử dụng của ông S, bà M, ông T, bà A không tranh chấp. Các con ông T bà A là bà D và bà Cvà các cháu có hộ khẩu cùng bà A và ông T nhưng do bà D, bà C đã có gia đình riêng nên ở cả bên nhà chồng và ở cả với ông bà. Bà D, bà C không có công sức cũng nhưng không có quyền lợi gì đối với nhà đất đang tranh chấp. Bà D chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phòng trọ, còn việc kinh doanh thực tế, thu tiền nhà trọ là do vợ chồng ông T thực hiện và sử dụng tiền nhà trọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện văn phòng công chứng 24h trình bày:

Vào ngày 29/4/2009, Văn phòng Công chứng 24h có nhận được yêu cầu công chứng di chúc của ông Ngô Văn S và bà Trần Thị M. Sau khi kiểm tra đối

chiếu giấy tờ về Chứng minh nhân dân, Giấy tờ chứng minh về tài sản theo quy định. Ông S và bà M có Giấy chứng nhận của Bệnh viện có thẩm quyền về tình trạng tâm thần kinh. Công chứng viên đã giải thích quyền lợi và nghĩa vụ khi ông S và bà M lập di chúc. Ông S và bà M có mời ông Trần Mạnh G làm chứng và đọc lại di chúc này cho ông bà nghe. Ông S và bà M đã đồng ý và điểm chỉ trước mặt công chứng viên. Do vậy, việc lập di chúc đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Ông Ngô Văn T trình bày: Ông thừa nhận di chúc của cha mẹ ông, lúc lập di chúc cha mẹ ông minh mẫn. Căn nhà trọ là của cha mẹ ông. Ông tôn trọng quyết định của cha mẹ ông.

Ông Ngô Thiện Tr trình bày: Cha mẹ ông chuyển đến ở chung với ông khoảng năm 2004, khi lập di chúc thì đã ở chung với gia đình ông, không còn ở bên ông T nữa cho đến khi chết. Khi cha mẹ ông lập di chúc thì có Luật sư T đến nhà làm thủ tục, sau đó con gái ông đưa cha mẹ ông ra phòng công chứng để công chứng di chúc. Ông biết cha mẹ ông lập di chúc cho ông N hưởng di sản (BL: 227).

Người làm chứng ông Trần Mạnh G trình bày tại bản tự khai đề ngày 24/11/2017 với nội dung: “Ngày 29/4/2009 ông G được ông bà Ngô Văn S, Trần Thị M mời đến văn phòng công chứng 24h, TP. Cần Thơ để làm chứng cho việc ông bà lập di chúc. Do ông bà thời điểm đó cao tuổi, sức yếu không thể tự mình ký tên được, sau khi ông bà đọc toàn bộ di chúc và có nhờ ông G đọc lại và giải thích nội dung di chúc cho ông bà nghe. Ông bà nghe xong bản di chúc, đồng ý và điểm chỉ trước mặt công chứng viên...”

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, điểm c khoản 5 Điều 477 Điều 479, khoản 1 Điều 648 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 41 Luật công chứng năm 2006; khoản 5 Điều 170, khoản 1 Điều 648; khoản 1 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn ông Ngô Trung N: Công nhận ông Ngô Trung N là người được thừa hưởng thừa kế theo di chúc do ông Ngô Văn S và bà Trần Thị M lập ngày 29/4/2009 tại Văn phòng Công chứng 24h (Số công chứng 3277, Quyền số 01/2009/CC-SCC/DC).

- Buộc bị đơn ông Ngô Tấn T, bà Kỳ Kim A giao lại cho ông Ngô Trung N quyền sử dụng đất có diện tích 638,9m² tại thửa 90-91, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ số 108/95/118 và số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố cần Thơ (Vị trí, kích thước được xác định theo Bản trích đo địa chính số

30/TTKTTNMT ngày 26/6/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ - đính kèm bản án) và tài sản trên đất là 03 căn nhà gồm nhà 1 có diện tích xây dựng là 304,56 m², nhà 2 có diện tích xây dựng là 105 m², nhà 3 có diện tích xây dựng là 163,317 m² (Đặc điểm các căn nhà được xác định theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ - đính kèm bản án).

- Nguyên đơn hỗ trợ di dời cho bị đơn số tiền 30.000.000 đồng, Bị đơn được quyền lưu cư 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn giá trị căn nhà 2 là 201.625.500 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về các yêu cầu:

Hủy văn bản công chứng lập di chúc ngày 29/4/2009 của Văn phòng Công chứng 24h do vô hiệu.

Căn nhà có 10 căn phòng trọ (nhà 3) cạnh nhà số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với căn nhà số 108/95/118 (nhà 1) và 550 m² đất thuộc thửa số 90-91 đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 05/02/2018, Ông T, bà A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Ông T, bà A cho rằng di chúc không hợp pháp do ông S, bà M chỉ lẫn tay, không ký, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, xem xét phần công sức đóng góp của bị đơn vào di sản, xem xét phần tính án phí cho bị đơn.

Ngày 21/02/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-DS, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, chưa làm rõ nội dung về thu thập chứng cứ và chưa xem xét toàn diện vụ án. Cụ thể:

- Bản di chúc lập ngày 29/4/2009 có thể hiện ông Trần Mạnh G là người làm chứng nhưng Tòa cấp sơ thẩm không đưa ông G tham gia tố tụng để lấy lời khai làm rõ nội dung di chúc là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng;

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vì sao ông S, bà M không ký tên mà điểm chỉ; thành phần khi lập di chúc không ghi tên ông Trần Mạnh G nhưng cuối văn bản lại có chữ viết và chữ ký của ông Trần Mạnh G với tư cách là người làm chứng nhưng chưa được làm rõ ông G có mặt chứng kiến từ lúc nào;

- Giấy chứng nhận tâm thần ngày 28/4/2009 của Bệnh viện tâm thần thuộc Sở Y tế thành phố Cần Thơ chỉ chẩn đoán về trạng thái tâm thần chứ không thể hiện đầy đủ về năng lực hành vi khi xác lập di chúc là chưa đảm bảo đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 652 BLDS 2005;

- Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2017, ông Ngô Thiện Trung trình bày di chúc được lập tại nhà ông (do ông S, bà M ở nhà ông), nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông lại trình bày di chúc lập tại Phòng công chứng, lời khai của ông Trung còn mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ;

- Bản án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không xem xét đến công sức, giữ gìn tài sản từ năm 1979 của bị đơn là chưa xem xét toàn diện vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông T, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Tại phiên tòa ngày 19/12/2019 và phiên tòa hôm nay, các bên trình bày:

Bà A và ông T trình bày: Căn nhà số 1 theo biên bản định giá và toàn bộ diện tích đất 638,9m² là di sản của cha mẹ ông T, ông bà không tranh chấp. Bà Ngô Kỳ D và bà Ngô Bảo Clà con của ông T, bà A, bà D và bà C đã lấy chồng và ở bên nhà chồng, bà D ở địa chỉ số 105 đường Lý Tự Trọng, bà C ở bên nhà chồng trên đường Nguyễn Văn Cừ, bà A không nhớ số nhà, bà D và bà C vẫn đi về bên nhà ông T. Bà D chỉ đứng tên giúp vợ chồng bà A trên giấy đăng ký kinh doanh phòng trọ, còn việc kinh doanh, thu tiền phòng trọ là do vợ chồng bà A, ông T, tiền thu được từ phòng trọ khoảng 5 triệu đến 6 triệu một tháng. Bà D và bà C không có đóng góp gì vào việc tạo lập căn nhà số 2 và nhà số 3. Nhà số 2 do vợ chồng bà A, ông T xây năm 1982, khi sửa chữa nhà số 2 vào năm 2011 thì bà D, bà C mỗi người cho vợ chồng ông T 20.000.000đ, đại diện nguyên đơn cho rằng bà A và ông T có nhiều nhà đất khác nhưng những nhà đất này bà A và ông T chỉ đứng tên giúp người khác, các cháu Trương Gia Bửu, Trương Gia Hân, Trương Gia Phú An, Trần Tuấn A, Trần Đình Long có tên trong sổ hộ khẩu gia đình bà A đều là con của bà D và bà C, chồng bà D, chồng bà C không có tên trong hộ khẩu và không cư trú cùng ông T, bà A.

Bà D đại diện cho bị đơn trình bày: Căn nhà số 2 vợ chồng ông T xây năm 1989, đến năm 2011 vợ chồng ông T phá nhà cũ xây lại như hiện nay, căn nhà số 3 là nhà có 10 phòng trọ, tiền phòng trọ mỗi tháng thu tổng cộng khoảng 5-6 triệu đồng. Yêu cầu trả công sức quản lý di sản cho vợ chồng ông T bằng đất kích thước ngang 14m sâu hết đất là 25m tại vị trí căn nhà số 2 (căn giữa) theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Luật sư T trình bày: Bị đơn chưa khi nào nghe cha mẹ nói về di chúc, vợ chồng ông T sống có hiếu với cha mẹ, đề nghị xem xét công sức của bị đơn chăm sóc cha mẹ đến năm 2009, đến tháng 3/2009 cha mẹ ông T mới về nhà ông Trung ở nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức này, các con ông T vẫn ở chung với vợ chồng ông T và bà D đứng tên trên đăng ký kinh doanh phòng trọ, căn nhà số 2 do tiền của vợ chồng ông T và tiền bà Lợi gửi về xây nhà. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, xem xét cho bị đơn có nơi cư trú, công sức chăm sóc cha mẹ của bị đơn.

Ông T trình bày: Căn nhà số 2 theo biên bản định giá do bị đơn xây năm 1997, căn nhà số 1 và số 3 là do cha mẹ nguyên đơn xây, có giấy phép xây dựng, các con ông T là bà D, bà C đều đã lấy chồng và ở bên nhà chồng, bà D cư trú tại số nhà 103D/3 Lý Tự Trọng, bà C cư trú tại đường Nguyễn Văn Cừ, không ở với bị đơn, chồng bà D và chồng bà C không ở với bị đơn, bị đơn đã hưởng lợi từ tiền thuê phòng trọ nhiều năm, hiện tại mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng, không có việc ông T san lấp hồ bom như phía bị đơn trình bày, nguyên đơn ông N đồng ý hỗ trợ tiền di dời và công sức quản lý di sản là 150 triệu đồng, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Luật sư Minh trình bày: Di chúc của ông S, bà M là hợp pháp, do ông bà khi lập di chúc đã cao tuổi, bà M bị mù, ông Trung xác định ông S, bà M tay run, không ký được nên công chứng chỉ cho điểm chỉ, văn bản công chứng có ghi ông bà ký, điểm chỉ là sai sót nhưng sai sót này không ảnh hưởng. Ông G là người làm chứng khi lập di chúc đã trình bày rõ, hình thức văn bản di chúc không quy định bắt buộc phải ghi người làm chứng, khi lập di chúc ông bà đều minh mẫn, việc lập di chúc được ột số các con ông S, bà M xác nhận như ông Trí, ông Trung, ông T. Trong các biên bản hòa giải tại UBND phường thì ông T không phản đối di chúc mà chỉ yêu cầu thanh toán chi phí quản lý di sản, do không thỏa thuận được nên nguyên đơn mới khởi kiện, việc tòa án không triệu tập người làm chứng là ông G đến phiên tòa là do các đương sự không yêu cầu. Về công sức quản lý di sản, không có việc bị đơn giữ gìn di sản. Bị đơn có cải tạo nhà số 2 vào năm 2011 nhưng cấp sơ thẩm đã cho bị đơn được hưởng toàn bộ giá trị phần kiến trúc nhà, ngoài ra bị đơn còn hưởng tiền thuê nhà từ năm 2004 đến nay, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tòa sơ thẩm không đưa ông G là người làm chứng vào tham gia tố tụng là vi phạm, bản di chúc không có chữ ký của ông S, bà M, thành phần khi lập di chúc không ghi tên ông G. Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị, đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Kháng nghị về tố tụng: Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa người làm chứng ông Trần Mạnh G vào tham gia tố tụng để lấy lời khai làm rõ nội dung di chúc.

Xét thấy: Ông G là người ký làm chứng trong di chúc. Mặc dù cấp sơ thẩm không triệu tập ông Trần Mạnh G tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng đến phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng cấp sơ thẩm có triệu tập ông G đến làm việc. Ông G đã có bản tự khai đề ngày 24/11/2017 với nội dung: *“Ngày 29/4/2009 ông G được ông bà Ngô Văn S, Trần Thị M mời đến văn phòng công chứng 24h, TP. Cần Thơ để làm chứng cho việc ông bà lập di chúc.*

Do ông bà thời điểm đó cao tuổi, sức yếu không thể tự mình ký tên được, sau khi ông bà đọc toàn bộ di chúc và có nhờ ông G đọc lại và giải thích nội dung di chúc cho ông bà nghe. Ông bà nghe xong bản di chúc, đồng ý và điểm chỉ trước mặt công chứng viên...”

Bản tự khai của ông G được công chứng chứng thực (B:181). Ông G có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2017 (BL: 182).

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 658 BLDS 2005 thủ tục lập di chúc tại Cơ quan Công chứng thì người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình.

Điều 9 Luật công chứng năm 2006 quy định về Người làm chứng

1. Trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định việc công chứng phải có người làm chứng nhưng người yêu cầu công chứng không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký và không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng.

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu họ không mời được thì công chứng viên chỉ định.

Như vậy, ông G chỉ có thể tham gia với tư cách là người làm chứng. Cấp sơ thẩm có nhận định đối với lời trình bày của ông G có trong hồ sơ vào bản án. Mặt khác, hồ sơ vụ án đã có lời trình bày đầy đủ, rõ ràng của ông G về việc ông làm chứng trong di chúc và ông G có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay có triệu tập ông G nhưng ông có đơn xin xét xử vắng mặt nên đã công bố lời khai của ông G. Như vậy, việc không đưa ông G vào bản án với tư cách người làm chứng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm là có thiếu sót nhưng cấp sơ thẩm có triệu tập ông G trước khi xét xử và đã có lời khai rõ ràng của ông G trong hồ sơ vụ án nên không ảnh hưởng đến việc xác định hiệu lực của di chúc cũng như việc giải quyết vụ án. Hơn nữa, theo quy định viện dẫn trên thì trong trường hợp này ông S, bà M vẫn minh mẫn, đọc được, điểm chỉ được nên theo quy định trên thì không cần người làm chứng. Tuy nhiên, ông bà cũng đã cao tuổi (ông S 89 tuổi, bà M 87 tuổi khi lập di chúc) nên việc ông bà có mời ông G làm chứng là để đảm bảo thêm tính xác thực và giá trị hiệu lực của di chúc sau này.

Vì vậy không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[2]- Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2017, ông Ngô Thiện Trung trình bày di chúc được lập tại nhà ông (do ông S, bà M ở nhà ông), nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông lại trình bày di chúc lập tại Phòng công chứng, lời khai của ông Trung còn mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Kháng nghị nêu không chính xác. Bởi lẽ: Đối chiếu lời khai tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2017 (BL 173) ông Nguyễn Thiện Trung trình bày “...*khi lập di chúc tại nhà tôi...Cha mẹ tôi mời luật sư tới nhà để hỏi thủ tục làm di chúc...*”. Tại bút ký phiên tòa ngày

19/01/2018 (BL 227) ông Nguyễn Thiện Trung trình bày “*Hỏi: Cha mẹ ông lập di chúc tại nhà ông hay tại Văn phòng Công chứng 24h; Đáp: Mời luật sư lại nhà, sau đó đi chứng di chúc thì tôi không có đi...*”. Như vậy, lời trình bày của ông Nguyễn Thiện Trung không có mâu thuẫn như kháng nghị đã nêu. Ông Trung trình bày rõ là cha mẹ ông mời luật sư đến nhà để hỏi thủ tục làm di chúc. Bản di chúc cũng ghi rõ di chúc làm tại văn phòng công chứng. Đại diện văn phòng công chứng cũng có lời trình bày xác định việc công chứng được thực hiện tại phòng công chứng, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng nghị đối với nội dung này.

[3]- Về tính hợp pháp của di chúc:

Kháng nghị cho rằng di chúc không hợp pháp, cấp sơ thẩm chưa làm rõ với lý do: Ông S, bà M là những người trí thức, đều biết chữ nhưng không ký mà điểm chỉ là vi phạm thủ tục công chứng, chưa là rõ vì sao ông bà không ký mà điểm chỉ, giấy chứng nhận tâm thần của bệnh viện tâm thần Cần Thơ chỉ chuẩn đoán về trạng thái tâm thần chứ không thể hiện đầy đủ về năng lực hành vi khi xác lập di chúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005.

Kháng cáo của ông T, bà A cho rằng: Ông S, bà M là những người trí thức, đều biết chữ nhưng vì sao không ký mà điểm chỉ vào di chúc, Căn nhà tại số 108/95/118A (nay là số 158/74 đường Nguyễn Việt Hồng và 10 phòng trọ là do ông T xây, đề nghị xem xét đến công sức đóng góp của vợ chồng ông T trong việc san lấp mặt bằng, công sức chăm lo cho cha mẹ.

Xét thấy, về thủ tục lập di chúc:

[4]- Ông G là người làm chứng khi lập di chúc đã trình bày rõ: *Do ông bà thời điểm đó cao tuổi, sức yếu không thể tự mình ký tên được.*

Như vậy, việc ông S, bà M không ký tên được vào di là do tuổi cao, sức yếu mặc dù vẫn minh mẫn.

[5]- Tại điểm a khoản 1 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1- *Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:*

a. *Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng bức;*

Tại hai giấy chứng nhận của bệnh viện Tâm thần TP. Cần Thơ ngày 28/4/2009 đều xác nhận ông S, bà M không rối loạn tâm thần (BL: 193, 194).

Theo kết luận trên của bệnh viện tâm thần thì ông S, bà M tâm thần ổn định, bình thường. Như vậy, ông S, bà M là người minh mẫn, sáng suốt.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 658 BLDS năm 2005 quy định về thủ tục công chứng di chúc thì: “.. *người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào văn bản di chúc...*”, Như vậy, pháp luật cũng không bắt buộc người lập di chúc phải ký vào di chúc mà có thể chọn hình thức điểm chỉ.

Hơn nữa, ông S, bà M đã cao tuổi, nên việc ký tên vào di chúc có khó khăn nên ông bà chỉ điểm chỉ trước mặt công chứng viên và còn mời thêm người làm chứng khi lập di chúc là cần thiết, đảm bảo thêm cho việc lập di chúc đúng với ý nguyện của ông bà, không bị lừa dối, đe dọa khi lập di chúc, ông G cũng xác nhận ông S, bà M không tự ký được.

Văn phòng công chứng cũng trình bày việc công chứng di chúc cho ông S, bà M tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung di chúc:

[6]- Theo quy định tại Điều 646 Bộ luật dân sự 2005 thì cá nhân có quyền thể hiện ý chí của mình nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

Theo quy định này thì cá nhân có quyền lập di chúc để lại tài sản của mình cho người khác thừa kế sau khi chết. Đây là quyền của sở hữu chủ được pháp luật bảo vệ.

Cha mẹ ông N là ông S, bà M lập Di chúc để lại cho ông N thừa kế gồm diện tích đất ghi là 877m², đo thực tế khi tòa án giải quyết là 638,9m², đất tọa lạc tại số 108/95/118 và 108/95/118 A đường 30/4 và hai căn nhà trên diện tích đất này, đất đã có giấy xác nhận của Chi cục quản lý đất đai tỉnh Cần Thơ số 74/XN.ĐĐ.93 ngày 21/5/1993 công nhận QSD đất cho bà Trần Thị M diện tích 877m². Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, tất cả các đương sự đều thừa nhận diện tích đất này và căn nhà số 108/95/118 (căn nhà số 1 theo biên bản định giá) là di sản của ông S, bà M, không tranh chấp. Như vậy, ông S, bà M có quyền di chúc tài sản nhà, đất cho người khác.

[7]- Về nhà trên đất: Theo biên bản định giá và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện tại trên đất có 3 căn nhà được đánh số gồm nhà số 1, số 2 và số 3. Căn cứ 2 giấy phép xây dựng vào năm 1998 và năm 2004 cấp cho bà M, ông S, lời khai của các bên đương sự và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì căn nhà số 1 và số 3 được chỉ định trong di chúc là do ông S, bà M xây dựng, hiện đang do vợ chồng ông T quản lý, trong đó nhà số 3 được bà A, ông T đang sử dụng làm dãy phòng trọ.

- Đối với căn nhà số 108/95/118 A đường 30/4 (là căn số 03 theo giấy phép xây dựng, là nhà trọ theo biên bản định giá và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ):

Theo giấy phép xây dựng số 347/GPXD ngày 16/4/2004 thì có ghi rõ cấp phép xây dựng nhà số 108/95/118 A đường 30/4. Thời điểm xây căn nhà này tất cả các bên đều thừa nhận xây năm 2004. Nguyên đơn cho rằng nhà do ông S, bà M xây.

Ông T, bà A cho rằng căn nhà số 3 là 10 phòng trọ (là căn nhà một trệt một lầu) do vợ chồng ông xây năm 2004 bằng tiền của vợ chồng và vay thêm, đây là nhà thuộc sở hữu của vợ chồng ông T, còn việc bà M đứng tên trong giấy phép xây dựng là do bà M đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ.

Tuy nhiên nguyên đơn và người liên quan ông T, ông T, ông Trung (là các con ông S, bà M) không thừa nhận lời trình bày của ông T, bà A. Giấy phép xây dựng thể hiện bà M là người xây nhà. Ông T, bà A không có chứng cứ chứng minh ông bà là người bỏ tiền ra xây nhà này, các hóa đơn mua vật tư (08 hóa đơn) do ông T xuất trình không ghi mua vật tư cho việc xây dựng căn nhà nào, đồng thời số tiền các biên lai rất nhỏ, tổng cộng 3.789.000đ. Vì vậy, việc ông T, bà A cho rằng ông bà là người xây nhà số 108/95/118 A nên trên là không có căn cứ. Do đó có cơ sở kết luận căn nhà này là của ông S, bà M xây dựng, thuộc quyền sở hữu của ông S, bà M.

Như vậy, ông S, bà M chỉ định đoạt tài sản là các căn nhà của mình trong di chúc.

[8]- Đối với căn nhà theo biên bản định giá là nhà số 2: Nhà này bị đơn khai do ông T, bà A xây không phép trên đất của ông S, bà M, không xác định được thời gian xây dựng nhưng có sửa lại vào năm 2011, do vợ chồng ông T sửa, nguyên đơn không tranh chấp gì về việc cấp sơ thẩm kết luận ông T, bà A được quyền sở hữu giá trị căn nhà là 201.625.500đ. Trước kia ông T cho rằng bà M, ông S cho đất cất nhà. Tại phiên tòa ngày 19/12/2019 và tại phiên tòa hôm nay ông T, bà A thừa nhận đất vẫn là của ông S, bà M, chưa cho. Như vậy, có căn cứ kết luận ông T xây nhờ nhà trên đất của cha mẹ. Căn nhà này không được định đoạt trong di chúc. Cấp sơ thẩm kết luận vợ chồng ông T được hưởng giá trị kiến trúc căn nhà và buộc ông N trả lại giá trị xây dựng căn nhà theo giá của hội đồng định giá cho bên ông T là có căn cứ.

9]- Từ nhận định trên có đủ căn cứ kết luận trình tự, thủ tục khi lập di chúc là đúng pháp luật, nội dung di chúc rõ ràng, hợp pháp, các tài sản được định đoạt trong di chúc là của vợ chồng ông S, bà M nên di chúc của ông S, bà M là hợp pháp theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự 2005.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo và kháng nghị về nội dung liên quan đến di chúc.

[8]- Đối với kháng cáo và kháng nghị về việc xem xét công sức của ông T, bà A trong việc quản lý di sản của vợ chồng ông T:

Tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu này. Tại phiên tòa hôm nay các bị đơn yêu cầu nên cần xem xét, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho đương sự.

Xét thấy, theo bị đơn thì từ năm 2009 vợ chồng ông S sang ở với ông Trung. Như vậy từ năm 2009 vợ chồng ông T mới quản lý di sản nên cần xem xét công sức cho bị đơn trong việc quản lý di sản. Do ông T có sử dụng di sản để cho thuê phòng trọ là căn nhà một trệt một lầu kinh doanh nhà trọ với 10 phòng trọ. Theo ông T, bà A và người đại diện là bà D đã thừa nhận tiền ông T thu từ phòng trọ là 5 triệu đến 6 triệu đồng một tháng, đại diện nguyên đơn cho rằng tổng tiền thuê nhà là 10 triệu một tháng. Như vậy, vợ chồng ông T đã có hưởng lợi từ di sản khi quản lý di sản và lại sử dụng di sản làm nơi ở mà không mất tiền thuê nên quyền lợi đã được bảo đảm. Do các đương sự không tranh chấp về tiền thuê nhà nên tòa không xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn yêu cầu

được hưởng công sức quản lý di sản bằng đất. Đại diện nguyên đơn trình bày, nguyên đơn chỉ đồng ý hỗ trợ di rời chỗ ở và hỗ trợ công sức quản lý di sản cho bị đơn là 150 triệu đồng nên ghi nhận, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đòi hưởng công sức quản lý di sản bằng đất.

Do vậy, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và một phần kháng nghị về nội dung này, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung này. Ghi nhận nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn 150 triệu đồng là công sức quản lý di sản và hỗ trợ di rời chỗ ở, đồng thời cho bị đơn lưu cư 06 tháng từ ngày án có hiệu lực để có đủ thời gian tìm chỗ ở mới.

[10]- Ông T cho rằng ông có bỏ tiền ra san lấp mặt bằng nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bên ông T cũng không đưa ra được chứng cứ gì về việc san lấp cũng như khối lượng san lấp, mặt khác nguyên đơn đã tự nguyện hỗ trợ 150 triệu đồng nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[11]- Về các con ông T là bà Ngô Kỳ D và bà Ngô Bảo C và các cháu là con bà D, bà C (Trương Gia B, Trương Gia H, Trương Gia Phú A, Trần Tuấn A, Trần Đình L là con bà D, bà C) có hộ khẩu cùng với hộ khẩu của ông T nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, tòa đã triệu tập bà D, bà C đến phiên tòa phúc thẩm nhưng bà D và bà C đều vắng mặt không có lý do, ông T, bà A xác nhận bà D và bà C đã nhận được giấy triệu tập của tòa nhưng bận không đi dự phiên tòa.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày 19/12/2019 và phiên tòa hôm nay, ông T, bà A thừa nhận bà D và bà C là con của ông bà, còn chung hộ khẩu với vợ chồng ông T nhưng bà D, bà C đã lấy chồng ở bên nhà chồng. Bà D ở hẻm 105 Lý Tự Trọng, bà C ở đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Cần Thơ, bà D và bà C có cho ông bà mỗi người 20 triệu đồng khi xây căn nhà số 2 theo biên bản định giá, ngoài ra không có đóng góp gì vào tài sản đang tranh chấp. Bà D chỉ đứng tên giúp ông T, bà A trên giấy đăng ký kinh doanh phòng trọ, còn việc kinh doanh, thu tiền phòng trọ là do vợ chồng ông T trực tiếp kinh doanh.

Trong đơn của bà D gửi tòa cấp phúc thẩm cũng thể hiện bà D chỉ đứng tên giúp ông T, bà A trên giấy đăng ký kinh doanh nhà trọ, bà không trực tiếp kinh doanh.

Ông T và ông Trung (ông Trung có đơn) trình bày bà D, bà C không cư trú cùng vợ chồng ông T mà đã lấy chồng ở bên nhà chồng nhiều năm, bà D ở cùng chồng tại số 103D/3 đường Lý Tự Trọng, bà C ở cùng chồng đường Nguyễn Văn Cừ TP. Cần Thơ.

Như vậy, có căn cứ kết luận bà C, bà D và các con của hai bà không cư trú cùng ông T, bà A, không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án này, mặc dù có chung hộ khẩu với ông T, bà A. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà D và bà C cũng không có yêu cầu tham gia tố tụng, các đương sự khác cũng không đề nghị đưa bà D và bà C vào tham gia tố tụng nên cấp sơ thẩm không đưa bà C, bà D và các con của hai bà vào tham gia tố tụng là có căn cứ, không ảnh hưởng đến

quyền lợi của các đương sự khác cũng như quyền lợi của bà D, bà C và các con của hai bà.

[12]- Về án phí:

Án phí có giá ngạch: ông N phải chịu án phí có giá ngạch là 10.081.000đ.

Bà A, ông T phải chịu án phí có giá ngạch là 113.822.000đ nhưng do ông T, bà A là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí có giá ngạch cho ông T, bà A.

Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Tấn T, bà Kỳ Kim A và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

Căn cứ các Điều: 631, 646, 652, 658 Bộ luật dân sự năm 2005

1- Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn ông Ngô Trung N: Công nhận ông Ngô Trung N là người được hưởng thừa kế theo di chúc hợp pháp do ông Ngô Văn S và bà Trần Thị M lập ngày 29/4/2009 tại Văn phòng Công chứng 24h (Số công chứng 3277, Quyền số 01/2009/CC-SCC/DC).

2- Buộc bị đơn ông Ngô Tấn T, bà Kỳ Kim A giao lại cho ông Ngô Trung N các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 638,9m² tại thửa 90-91, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại địa chỉ số 108/95/118 và số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố cần Thơ (Vị trí, kích thước được xác định theo Bản trích đo địa chính số 30/TTKTTNMT ngày 26/6/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ - đính kèm bản án); tài sản trên đất này là 03 căn nhà gồm: Nhà 1 có diện tích xây dựng là 304,56 m², nhà 2 có diện tích xây dựng là 105 m², nhà 3 có diện tích xây dựng là 163,317 m² (Đặc điểm các căn nhà được xác định theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ — đính kèm bản án).

Ông N được quyền sở hữu nhà trên đất và được quyền sử dụng đất nêu trên, ông N có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

3- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Ngô Trung N hỗ trợ di dời và công sức quản lý di sản cho bị đơn ông Ngô Tấn T và bà Kỳ Kim A số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Bị đơn ông T, bà A được quyền lưu cư 06 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Buộc Nguyên đơn ông N có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn ông Ngô Tấn T và bà Kỳ Kim A giá trị căn nhà số 2 theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2017 là 201.625.500 đồng (Hai trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

5- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn ông Ngô Tấn T và bà Kỳ Kim A đối với các yêu cầu:

- Hủy văn bản công chứng lập di chúc ngày 29/4/2009 của Văn phòng Công chứng 24h do vô hiệu.

- Căn nhà có 10 căn phòng trọ (nhà 3) cạnh nhà số A đường H, phường P, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị đơn.

- Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với căn nhà số 108/95/118 (nhà 1) và 550 m² đất thuộc thửa số 90-91 đường Nguyễn Việt Hồng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

6- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc bị đơn ông T, bà A hoàn trả cho ông N 2.175.000đ. Ông N được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí định giá dư 650,000đ tại TAND thành phố Cần Thơ.

kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

7- Án phí:

+ Án phí dân sự có giá ngạch:

- Buộc ông N phải chịu 10.081.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 46.300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 635 ngày 19/3/2014 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Hoàn lại cho ông N 36.219.000đ.

- Ông T, bà A phải chịu án phí có giá ngạch là 113.822.000đ nhưng miễn toàn bộ án phí có giá ngạch cho ông T, bà A. Hoàn lại cho ông T, bà A 15.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 690 ngày 16/7/2014 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà A, ông T không phải chịu. Hoàn lại cho ông T, bà A 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 1068 ngày 27/02/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 10/01/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Cục THADS Tp. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng